

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH ĐỘC LẬP
KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT
LÂM NGHIỆP; TÍNH TOÁN TRỮ LƯỢNG CARBON TRONG SINH KHỐI
TRÊN MẶT ĐẤT (AGB)
Tại “Khu Bảo tồn Đa dạng Sinh học đầu nguồn Sông Ngân Phố”, thuộc
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU SINH THÁI NHÂN VĂN VÙNG CAO (CHESH)

Kon Tum, ngày 23 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO THUYẾT MINH

KẾT QUẢ KHÁO SÁT, ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT
LÂM NGHIỆP; TÍNH TOÁN TRỮ LƯỢNG CARBON TRONG SINH KHỐI
TRÊN MẶT ĐẤT (AGB)

Tại “Khu Bảo tồn Đa dạng Sinh học đầu nguồn Sông Ngân Phố”, thuộc
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU SINH THÁI NHÂN VĂN VÙNG CAO (CHESH)

Kon Tum, ngày 23 tháng 7 năm 2024

ĐƠN VỊ TƯ VẤN ĐỘC LẬP

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Cao Hùng

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Ngô Văn Hùng

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	2
III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	2
1. Điều tra, đánh giá hiện trạng, tính toán trữ lượng gỗ	2
2. Tính toán trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB)	3
3. Đối chiếu và kiểm tra các dữ liệu trong quá trình bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học tại khu rừng do Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao (CHESH) quản lý	3
IV. KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG	3
1. Vị trí	3
2. Diện tích	3
3. Hiện trạng	3
4. Chức năng	3
5. Trữ lượng gỗ	4
V. TÍNH TOÁN TRỮ LƯỢNG CARBON TRONG SINH KHỐI TRÊN MẶT ĐẤT (AGB)	4
1. Xây dựng biểu thức	4
2. Kết quả	4
VI. PHÂN TÍCH DIỄN BIẾN RANH GIỚI, HIỆN TRẠNG QUA CÁC THỜI KỲ CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU SINH THÁI NHÂN VĂN VÙNG CAO (CHESH)	5
1. Sai lệch về ranh giới Chủ rừng	5
2. Sai lệch về diện tích	5
3. Sai lệch về vị trí, địa điểm giữa thực tế đang quản lý và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1230/cấp ngày 5/6/2002	6
4. Nhận định và khuyến nghị từ Đơn vị tư vấn	6

BÁO CÁO THUYẾT MINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP; TÍNH TOÁN TRỮ LƯỢNG CARBON TRONG SINH KHỐI TRÊN MẶT ĐẤT (AGB)

**Tại “Khu Bảo tồn Đa dạng Sinh học đầu nguồn Sông Ngàn phố” thuộc
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU SINH THÁI NHÂN VĂN VÙNG CAO (CHESH)**
(Căn cứ bản tham chiếu thỏa thuận về đề tài SMART M³ 01/ECO-ANTH/2024-2050 của
Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao (CHESH) và
Công ty TNHH MTV Tư vấn DHF ký ngày 28/03/2024).

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2024 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp;

Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Quyết định số 1230/QĐUB-NL3 ngày 05/6/2002 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc

giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho Trung tâm CHESH tại TK 70 và TK 72; Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ:

- Điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và diện tích đất lâm nghiệp nằm trong khu vực do Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao quản lý; phục vụ xây dựng bản đồ hiện trạng.

- Lập ô tiêu chuẩn; Đo đạc, tính toán trữ lượng gỗ theo từng trạng thái.

- Xây dựng biểu thức tính toán trữ lượng sinh khối, trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB).

- Đối chiếu, kiểm tra, phân tích diễn biến các dữ liệu trong quá trình hình thành, phát triển của Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao; So sánh, đối chiếu sự chông chéo, chông lán ranh giới; Tìm ra nguyên nhân và giải pháp.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN:

1. Điều tra, đánh giá hiện trạng, tính toán trữ lượng gỗ:

- Về hiện trạng, trạng thái: xác định trạng thái rừng và đất lâm nghiệp theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xác định hiện trạng, trạng thái thực tế đối với các lô rừng và đất lâm nghiệp trên toàn phạm vi thực hiện.

- Về diện tích: kiểm tra diện tích các lô trạng thái bằng phương pháp đo đạc máy định vị GPS, kết hợp khoanh lô theo tuyến.

- Về trữ lượng: điều tra, xác minh trữ lượng trên cơ sở đo tính trên ô tiêu chuẩn được lập theo phương pháp ô điển hình (tỷ lệ trích xuất lập ô tiêu chuẩn theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng). Trong đó: đối với rừng tự nhiên lập ô 500 m² theo trạng thái (mỗi trạng thái điều tra ít nhất 03 ô tiêu chuẩn).

+ Đo đường kính tại vị trí 1,3 m (D_{1,3}) tất cả cây trong ô tiêu chuẩn (công cụ đo là thước kẹp kính hoặc thước dây).

+ Đường kính bắt đầu đo từ 6 cm đối với rừng tự nhiên.

+ Xác định tên cây;

+ Đo chiều cao vút ngọn (H_{vn}): rừng tự nhiên đo chiều cao của tất cả các cây trong ô tiêu chuẩn.

+ Tính toán M/ha = G.H.F (hình số F=0,45 đối với rừng tự nhiên).

- Thành lập Bản đồ khảo sát, điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp.

- Lập Báo cáo thuyết minh kỹ thuật.

2. Tính toán trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB):

Dựa trên số liệu về trạng thái rừng, diện tích rừng, trữ lượng gỗ đã điều tra tiến hành xây dựng biểu thức tính toán trữ lượng sinh khối, trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) dựa trên cơ sở Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp.

Nội dung tính toán trữ lượng sinh khối, trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) đưa vào Báo cáo thuyết minh kỹ thuật.

3. Đối chiếu và kiểm tra các dữ liệu trong quá trình bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học tại khu rừng do Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao (CHESH) quản lý:

Dựa trên các dữ liệu do Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao cung cấp và các số liệu thu thập từ nguồn dữ liệu cơ sở của tỉnh, của huyện, của xã; tiến hành phân tích sự chồng lấn, chồng chéo về mặt ranh giới sử dụng, hiện trạng quản lý nhằm đưa ra nguyên nhân và các giải pháp khắc phục.

Nội dung đối chiếu, kiểm tra các dữ liệu trong quá trình hình thành, phát triển của Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao đưa vào Báo cáo thuyết minh kỹ thuật.

IV. KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG:

1. Vị trí:

Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao có vị trí như sau:

- Khoảnh 2, 3, 5 - Tiểu khu 70 trên địa bàn xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;

- Khoảnh 2, 3a - Tiểu khu 72 trên địa bàn xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Diện tích:

Tổng diện tích Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao đang quản lý là 310,70 ha¹.

3. Hiện trạng:

- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX giàu (TXG): 23,76 ha.

- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bình (TXB): 267,62 ha.

- Diện tích khác (DTK): 19,32 ha.

4. Chức năng:

- Chức năng phòng hộ: 179,40 ha.

- Chức năng sản xuất: 131,30 ha.

¹ Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững.

5. Trữ lượng gỗ:

- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX giàu (TXG): 233,06 m³/ha.
- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bình (TXB): 149,11 m³/ha.
- Diện tích khác (DTK): không có trữ lượng.

V. TÍNH TOÁN TRỮ LƯỢNG CARBON TRONG SINH KHỐI TRÊN MẶT ĐẤT (AGB):

1. Xây dựng biểu thức:

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Thong-tu-23-2023-TT-BNNPTNT-bao-cao-ket-qua-giam-nhe-phat-thai-khi-nha-kinh-linh-vuc-lam-nghiep-593538.aspx>); Xây dựng các biểu thức tính toán trữ lượng sinh khối, trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) như sau:

- Từ trữ lượng gỗ theo từng trạng thái rừng, sử dụng công thức quy đổi trữ lượng sinh khối:

$$B=M*BCEF*DW^2. \text{ Trong đó:}$$

- + B: Sinh khối (tấn);
- + M: Trữ lượng gỗ;
- + BCEF: Hệ số chuyển đổi và mở rộng sinh khối;
- + DW: Khối lượng riêng của loài cây gỗ.

- Từ trữ lượng sinh khối, quy đổi trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) theo công thức:

$$C=B*CF^3. \text{ Trong đó:}$$

- + C: Carbon trong sinh khối (tấn C);
- + B: Sinh khối;
- + CF: Tỷ lệ carbon của sinh khối khô.

2. Kết quả:

Từ số liệu điều tra trữ lượng gỗ, diện tích, trạng thái rừng đã có; dùng các biểu thức như trên để quy đổi trữ lượng sinh khối, trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB).

Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao có trữ lượng sinh khối, trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) như sau:

- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX giàu (TXG):
- + Diện tích: **23,76 ha.**

² Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp

³ Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp

+ Trữ lượng gỗ bình quân/ha: **233,06 m³/ha**; Tổng trữ lượng gỗ cả trạng thái: **5.537,50 m³**.

+ Trữ lượng sinh khối bình quân/ha: **117,60 tấn**; Tổng trữ lượng sinh khối cả trạng thái: **2.794,21 tấn**.

+ Trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) bình quân/ha: **55,27 tấn C**; Tổng trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) cả trạng thái: **1.313,28 tấn C**.

- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bình (TXB):

+ Diện tích: **267,62 ha**.

+ Trữ lượng gỗ bình quân/ha: **149,11 m³/ha**; Tổng trữ lượng gỗ cả trạng thái: **39.904,79 m³**.

+ Trữ lượng sinh khối bình quân/ha: **75,24 tấn**; Tổng trữ lượng sinh khối cả trạng thái: **20.135,96 tấn**.

+ Trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) bình quân/ha: **35,36 tấn C**; Tổng trữ lượng carbon trong sinh khối trên mặt đất (AGB) cả trạng thái: **9.463,90 tấn C**.

VI. PHÂN TÍCH DIỄN BIẾN RANH GIỚI, HIỆN TRẠNG QUA CÁC THỜI KỲ CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU SINH THÁI NHÂN VĂN VÙNG CAO (CHESH):

1. Sai lệch về ranh giới Chủ rừng:

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002, ranh giới giao và cấp Giấy chứng nhận cho Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao quản lý đang bị chồng lấn bởi Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Ngàn phố tại khu vực bên cạnh khu Tâm linh Huyện Vi.

*** Nguyên nhân:**

- Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa Chủ rừng đến trước (Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao) và Chủ rừng đến sau (Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Ngàn Phố) trong quá trình cơ quan quản lý nhà nước bàn giao ranh giới quản lý cho Chủ rừng đến sau (Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Ngàn Phố).

- Khi giao nhận ranh giới và cập nhật dữ liệu, cơ quan quản lý nhà nước chưa có sự nhất quán, kiểm tra rõ ràng tại thực địa và các bên liên quan để cập nhật dữ liệu trên hệ thống số.

2. Sai lệch về diện tích:

a. Diện tích giữa thực tế đang quản lý và diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002:

- Diện tích thực tế do Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao đang quản lý là: 328,5 ha.

- Diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 là: 285,4 ha.

*** Nguyên nhân:**

- Công nghệ đo đạc tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm

2002 còn lạc hậu.

- Sử dụng hệ quy chiếu tọa độ chưa đạt độ chính xác cao như hiện tại.

b. Diện tích giữa thực tế đang quản lý và diện tích trong Phương án quản lý bảo vệ rừng đã phê duyệt tại Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 09/9/2022:

- **Diện tích thực tế** do Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao đang quản lý là: **328,5 ha!**

- Diện tích trong Phương án quản lý bảo vệ rừng đã phê duyệt năm 2022 là: 310,70 ha.

*** Nguyên nhân:**

- Khi thực hiện xây dựng Phương án quản lý bảo vệ rừng, Đơn vị thực hiện xây dựng Phương án đã không tiến hành đo đạc lại và rà soát kỹ lưỡng mà chỉ dựa trên số liệu quản lý nhà nước để xây dựng phương án.

- Trong Phương án quản lý rừng bền vững, chỉ thể hiện phần diện tích thuộc quy hoạch chức năng ba loại rừng. Đối với phần diện tích ngoài chức năng ba loại rừng (trong đó tại thực tế có rừng tự nhiên ngoài quy hoạch và các hệ thống phân khu nhà chức năng), Đơn vị thực hiện xây dựng Phương án đã không đưa vào phần diện tích này.

3. Sai lệch về vị trí, địa điểm giữa thực tế đang quản lý và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1230/cấp ngày 5/6/2002:

- Vị trí, địa điểm thực tế mà Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao đang quản lý là: Tiểu khu 70 - xã Sơn Kim 1 và Tiểu khu 72 - xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Vị trí, địa điểm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 là: Tiểu khu 70, 72 - xã Sơn Kim, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Nguyên nhân:**

- Do Chính phủ thực hiện chính sách tách xã Sơn Kim thành hai xã Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2; Do vậy, Tiểu khu 70 và Tiểu khu 72 không còn thuộc địa giới một xã (Sơn Kim như tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) mà thuộc hai xã Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2; Theo đó, Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao chưa thực hiện chỉnh lý biến động này trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp số 1230/5/6/2002.

4. Nhận định và khuyến nghị từ Đơn vị tư vấn độc lập:

a. Nhận định:

Qua quá trình thực hiện điều tra, đánh giá hiện trạng thực tế cũng như quá trình thu thập các tài liệu, cơ sở pháp lý từ Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao, nguồn dữ liệu từ cơ quan quản lý nhà nước; Đơn vị tư vấn nhận định các nguyên nhân sai lệch nêu trên đều đến từ nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Trong đó:

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Chưa có sự tổ chức, phối hợp đồng bộ của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình bàn giao ranh giới cho Chủ rừng đến sau (Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Ngân Phố) nên dẫn đến việc chùng chéo ranh giới giữa 02 Chủ rừng.

+ Khi xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững, một là, Đơn vị thực hiện xây dựng Phương án đã không tiến hành rà soát kỹ thực địa cả trước và sau khi xây dựng Phương án; hai là, Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao chưa phối hợp với đơn vị thực hiện xây dựng phương án rà soát, đối chiếu và kiểm tra thẩm định thực địa trước khi đưa vào xây dựng bản đồ phương án cuối cùng; ba là, đơn vị thực hiện xây dựng phương án chỉ sử dụng số liệu quản lý nhà nước để làm Phương án nên dẫn đến một số khu vực ngoài chức năng ba loại rừng (trong đó tại thực tế có rừng tự nhiên ngoài quy hoạch và các hệ thống phân khu nhà chức năng) không có trong Phương án quản lý rừng bền vững.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Công nghệ, máy móc tại thời điểm đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 còn lạc hậu.

+ Sử dụng hệ quy chiếu tọa độ tại thời điểm đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 chưa đạt độ chính xác cao như hiện tại.

b. Khuyến nghị:

Qua những bất cập nêu trên, Đơn vị tư vấn khuyến nghị Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao chủ động làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng và thẩm quyền để tiến hành kiểm tra, rà soát thực địa và đối chiếu các biến động về: 1) Diện tích, 2) Chồng lấn, 3) Chồng chéo giữa: 1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng số 1230/5/6/2002⁴, 2) Phương án Quản lý rừng bền vững phê duyệt tại Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 09/9/2022⁵ và diện tích thực tế mà Trung tâm CHESH đang quản lý, đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán giữa các văn bản và hồ sơ pháp lý hữu quan để đảm bảo tính chính xác và minh bạch giữa các văn bản ban hành./.

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 7 năm 2024

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



⁴ Diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 là: 285,4 ha

⁵ Diện tích trong Phương án quản lý bảo vệ rừng đã phê duyệt năm 2022 là: 310,70 ha.